

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHU VỰC 5

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 1331/2026/QĐST-HNGĐ

Tp ., ngày 29 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1878/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2026 về việc “Ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**

Sinh ngày: 23/12/1979; số CCCD: 020079005872 cấp ngày 17/8/2021

Địa chỉ: **3 P, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thụy Xuân L**

Sinh ngày: 24/05/1980; số CCCD: 079180031884 cấp ngày 22/11/2021

Địa chỉ: **6 Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Thụy Xuân L** (*Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 26/02/2009 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, nay Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp luật*).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Văn T** và bà **Nguyễn Thụy Xuân L** thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là **Nguyễn Ngọc Lan C**, sinh ngày 27/7/2009.

Khi ly hôn bà **Nguyễn Thụy Xuân L** tự nguyện giao con chung **Nguyễn Ngọc Lan C**, sinh ngày 27/7/2009 cho ông **Nguyễn Văn T** là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thụy Xuân L và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người đó. Người trực tiếp nuôi con chung và các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thụy Xuân L và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thụy Xuân L tự khai là không có.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (*Một trăm năm mươi ngàn*) đồng ông Nguyễn Văn T tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0024959 ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H (Phòng thi hành án dân sự khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh). Nay trả lại cho ông Nguyễn Văn T 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được quyền thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Khu vực 5, Tp. HCM;
- Thi hành án Dân sự Tp. HCM;
- UBND phường Bình Lợi Trung, Tp.HCM;
- Bà Lan, ông Tuấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Cao Cường